

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 01/2020)

Căn cứ theo quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cầu Phù Vân - Phủ Lý, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín.**

Các vị trí đạt giới hạn B2 (không đạt B1): Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích sử dụng trên: **Cống Liên Mạc, Cầu Diên - Từ Liêm, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan, Cống Lương Cổ, Sông Đăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am – Vạn Phúc, Kênh La Khê, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Duy Tiên – Cầu Giẽ, Kênh Yên Xá – Thanh Trì, Kênh Hòa Bình (Thanh Trì).**

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng Liên Mạc	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 94%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 15%. Dòng chảy rất chậm ra sông Hồng. Hai bên bờ sông sạch, một số cống thải dân sinh đổ trực tiếp vào sông. Cống Liên Mạc 1 và 2 mở thông. Nước từ sông Hồng vào được từ hôm trước và đến thời điểm lấy mẫu đang bị đẩy ngược ra	Nước màu xám đục.	6.97	37.2	2.05	0.2	2.246	0.236	459	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cầu Diên Từ - Liêm	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 92%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 10%. Dòng chảy chậm về hạ lưu (v = 0.005 m/s). Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.07	20.9	1.15	0.4	4.367	0.621	615	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Đập Hà Đông	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 84%, gió NĐN 8 km/h, mật độ mây 7%. Dòng chảy chậm về hạ lưu.	Nước màu đen.	7.05	30.5	0.3	0.6	13.908	2.385	862	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
			Hai bên bờ sông nhiều rác thải. Mực nước trung bình.										Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cầu Tó	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 80%, gió NĐN 10 km/h, mật độ mây 5%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.26	26.7	0.2	0.7	15.152	1.710	859	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
5	5	Cầu Xém	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 0%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Hai bên bờ kênh nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.12	24.6	0.7	0.6	12.976	1.958	762	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
6	6	Đập Đồng Quan	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 70%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông. Thượng lưu	Nước màu đen, mùi hôi	6.96	31.6	0.45	0.6	14.452	2.385	807	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
			đập dồn ứ nhiều rác thải. Nước ô nhiễm từ thượng lưu đổ về.	thối.									bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Cầu Thân	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 40%. Dòng chảy ngược về thượng lưu, chảy ngược. Mực nước thấp. Trên sông nhiều bèo.	Nước màu xanh.	7.3	20.7	4.26	0.3	0.816	0.171	452	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
8	8	Đập Nhật Tựu	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 65%, gió ĐN 12 km/h, mật độ mây 20%. Dòng chảy nhanh, ngược về thượng lưu. Sông sạch, hạ lưu đập nhiều bèo. Đập mở 1 cửa, nước từ sông Đáy chảy vào sông Nhuệ.	Nước màu xanh.	7.25	18.2	5.16	0.2	0.777	0.135	347	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
9	9	Cống Lương Cồ	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 62%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 10%. Dòng chảy nhanh, ngược về thượng lưu. Sông sạch, hạ lưu cống nhiều bèo. Cống mở thông lấy nước từ sông	Nước màu xanh.	7	20.7	5.05	0.2	0.932	0.194	340	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			Đáy vào.									vật thủy sinh.
10	10	Cầu Phù Vân - Phù Lý	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 62%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 10%. Dòng chảy nhanh, nước từ sông Đáy vào. Sông sạch.	Nước màu xanh.	7.4	30.9	5.6	0.2	0.699	0.104	370	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Sông Đăm	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 92%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 13%. Dòng chảy chậm ra nhập lưu vào sông Nhuệ (v = 0.03 m/s). Mực nước thấp, trên sông không có rác thải. Sông tiếp nhận nước thải dân sinh và nước từ sản xuất nông nghiệp.	Nước màu nâu đục.	7.26	59.7	3.07	0.3	1.368	0.162	379	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Sông Cầu Ngà	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 92%, gió Đông 7 km/h, mật độ mây 3%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, trên kênh có rác thải. Nước bị ô	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.15	30.5	0.62	0.6	12.199	2.363	796	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			nhiễm nặng.									vật thủy sinh.
13	13	Đập Thanh Liệt	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 80%, gió NĐN 10 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, đập đóng. Thượng lưu đập dồn nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.42	30.9	0.23	0.6	9.246	1.935	806	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Xuân La	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 92%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 13%. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu, nước chảy ra sông Nhuệ. Trên kênh không có rác thải do đã làm công hộ.	Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối nồng nặc.	7.09	40.5	0.6	0.6	10.023	1.769	826	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Kênh Phú Đô	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 8 km/h, mật độ mây 3%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Trên kênh có nhiều rác thải.	Nước màu xám đục, mùi hôi thối.	7.3	30.5	0.36	0.6	13.598	1.778	792	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
16	16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 8 km/h, mật độ mây 3%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, trên kênh nhiều rác thải.	Nước màu xám đục, mùi hôi thối.	7.26	29.7	0.3	0.6	10.800	2.363	915	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	17	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 84%, gió NĐN 8 km/h, mật độ mây 7%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Dưới kênh nhiều rác thải xây dựng.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.36	30.9	0.15	0.7	13.908	2.610	86	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Kênh La Khê	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 84%, gió NĐN 8 km/h, mật độ mây 7%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Dưới kênh nhiều rác thải và rau, bèo.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.25	24.5	0.2	0.6	8.469	1.778	796	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
19	19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 70%. Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước thấp, hai bên bờ kênh nhiều rác thải. Kênh nhận nước thải từ làng nghề sản xuất tằm, hương.	Nước màu xanh lục.	7.06	40.9	3.45	0.4	6.760	1.013	507	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	20	Kênh Duy Tiên – Cầu Giẽ	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 67%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 40%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ kênh sạch, mực nước thấp. Nước từ sông Nhuệ đang có xu thế chảy vào kênh Duy Tiên.	Nước màu xanh đen.	7.4	27.2	1.46	0.5	5.377	0.923	615	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
21	21	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 84%, gió NĐN 8 km/h, mật độ mây 7%. Cống mở, dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Dưới kênh có nhiều rác thải.	Nước màu xám đục, mùi hôi thối.	7.56	33.7	0.4	0.6	16.706	3.263	926	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
22	22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 0%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Trên sông nhiều bèo và các bè rau muống. Sông tiếp nhận rác thải và nước thải từ chợ dân sinh.	Nước màu xanh lục.	7.6	30.7	4.15	0.3	0.816	0.207	326	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
23	23	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 80%, gió NĐN 8 km/h, mật độ mây 5%. Cống đóng, không có dòng chảy. Trên kênh có rác thải, nổi nhiều bọt trên mặt nước. Có hiện tượng tù đọng, phú dưỡng.	Nước màu xanh, có mùi tanh.	7.3	32.6	3.06	0.3	3.341	0.360	345	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.